

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Bản án số: 20/2018/HS-ST

Ngày: 20-7-2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Tăng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Sơn, ông Lâm Duy Nhẫn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đồng Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20-7-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2018/TLST-HS ngày 03-5-2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 813/2018/QĐXXST-HS ngày 02-7-2018, đối với bị cáo: Nguyễn Văn H, sinh ngày 02/02/1984 tại huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam;

Nơi cư trú: Số 23 Ngô Gia Tự, thị trấn K, huyện H, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH MTV Đ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ry, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị Điều, sinh năm 1950; có vợ: Trần Kim Phượng, sinh năm 1988 và 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại – Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ

Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn H – Giám đốc

Địa chỉ: 40 đường Trần Phú, thị trấn K, huyện H, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

2. Doanh nghiệp tư nhân thương mại B

Đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Bích Vân

Đại chỉ: 172 Diên Hồng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Vắng mặt có lý do.

3. Công ty trách nhiệm hữu hạn H

Đại diện hợp pháp: Ông Phạm Ngọc Sự - Giám đốc.

Địa chỉ: Thôn 1B, xã I, huyện H, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt có lý do.

4. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thiện Chí Kon Tum

Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn C – Giám đốc

Địa chỉ: Khu 2, khu kinh tế cửa khẩu B, huyện H, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt có lý do.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1987

NDKHKTT: Thị trấn Ái N, huyện L, tỉnh Quảng Nam;

Nơi ở: 40 đường Trần Phú, thị trấn K, huyện H, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

2. Bà Kiều Thị Bích Trâm, sinh năm 1982

Nơi ĐKHKTT: Thôn Kỳ Lam, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam.

Nơi ở: 40 đường Trần Phú, thị trấn K, huyện H, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH MTV Đ (gọi tắt là Công ty Đ) được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp phép đăng ký kinh doanh ngày 11/7/2011, có trụ sở chính tại số 40 Trần Phú, thị trấn K, huyện H, tỉnh Kon Tum. Ngành nghề kinh doanh: Công ty đăng ký nhiều ngành nghề kinh doanh khác nhau, trong đó có kinh doanh ngành nghề khai thác, sản xuất gỗ các loại.

Từ ngày 23/6/2016 đến ngày 22/7/2016 - Đoàn kiểm tra liên ngành Trung ương (được thành lập theo quyết định số 155/QĐ-KL-ĐN ngày 22/6/2016 của Cục Kiểm lâm) đã tiến hành kiểm tra 04 kho gỗ của công ty TNHH MTV Đ (gọi tắt là Công ty Đ), trong đó có 03 kho ở Cụm làng nghề Plei Kần, thôn Đăk Tăng, xã Đăk Xú, huyện Ngọc Hồi và 01 kho (gọi tắt là kho 4) ở số 1162 Hùng Vương, xã Đăk Xú, huyện Ngọc Hồi.

Ngày 30/6/2016, Đoàn kiểm tra phản ánh tổng khối lượng gỗ là 1.691,783m³ gỗ các loại đều không có dấu búa kiểm lâm (trong đó 03 kho tại Cụm Công nghiệp làng nghề là: 1.526,817 m³ và kho 4 là: 164,966 m³ gỗ các loại). Tiếp tục trong các ngày 10/7/2016, ngày 20/7/2016 và ngày 22/7/2016, Đoàn kiểm tra đã lập các Biên bản kiểm tra, Biên bản làm việc và đối chiếu khối lượng gỗ thực tế với hồ sơ, tài liệu, các báo cáo giải trình do Công ty Đ cung cấp, Đoàn kiểm tra xác định trong tổng số 1.691,783m³ gỗ các loại thì: Khối lượng gỗ có hồ sơ nguồn gốc hợp pháp là 1.206,698m³, toàn bộ số gỗ này đã được Đoàn kiểm tra giao lại cho Công ty tự quản lý (theo các Biên bản làm việc

ngày 20/7/2016 và Biên bản làm việc ngày 22/7/2016); Khối lượng gỗ không có hồ sơ nguồn gốc hợp pháp là 485,085 m³ gỗ các loại (gồm 276,684 m³ gỗ nhóm IIA và 208,401 m³ gỗ thông thường các loại).

Quá trình điều tra, Công ty Đ có đơn xin giải trình khối lượng 485,085m³ gỗ các loại không có hồ sơ hợp pháp theo kết luận của Đoàn kiểm tra nêu trên: Trong thời gian kinh doanh từ năm 2011 đến nay đã nhập khẩu nhiều lô gỗ, một số đã xuất bán, một số còn tồn trong kho, một số lô gỗ tròn do Công ty mua về đã được xẻ hộp, qua nhiều năm nên số lượng gỗ và hồ sơ đã lẫn lộn, nay Công ty Đ cung cấp thêm 10 bộ hồ sơ để giải trình nguồn gốc gỗ.

Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Kon Tum phối hợp với Chi Cục kiểm lâm tỉnh xác minh giá trị pháp lý của 10 bộ hồ sơ gốc gỗ do Công ty Đ cung cấp để giải trình về nguồn gốc 485,085 m³ gỗ, kết quả:

Đối với 4 bộ hồ sơ gỗ gồm: 03 bộ hồ sơ nhập khẩu gỗ từ nước CHDCND Lào là: tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 189/NK/KD/B38C ngày 05/6/2013; tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 76/NK/KD/B38C ngày 04/4/2013; tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 106/NK/KD/B38C ngày 27/4/2013 và Hóa đơn GTGT số 0000008 ngày 31/5/2013 mà Công ty TNHH MTV Đ mua gỗ của Công ty TNHH MTV Đông Hiền (ở xã Đăk Xú, huyện Ngọc Hồi), thì Công ty Đ đã cung cấp cho Đoàn kiểm tra liên ngành trước đây và kết luận không phải là hồ sơ hợp pháp đối với khối lượng 485,085 m³ gỗ thực tế.

Đối với 03 bộ hồ sơ gỗ nhập khẩu từ nước CHDCND Lào là tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 334/NK/KD/B38C ngày 11/11/2011; tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 350/NK/KD/B38C ngày 29/11/2011; tờ khai nhập khẩu số 81/NK/KD/B38C ngày 15/3/2012), với tổng khối lượng là 54,076 m³ gỗ Hương (trong đó 25,468m³ gỗ xẻ hộp, 28,608m³ gỗ tròn); 19,254 m³ gỗ Cẩm lai xẻ hộp (trong khi đó tổng số 485,085 m³ gỗ các loại không có hồ sơ hợp pháp theo kết luận của Đoàn kiểm tra, thì có 40,739m³ gỗ Hương; 10,163m³ gỗ Cẩm lai). Do 03 bộ hồ sơ gỗ này nhập khẩu từ nước CHDCND Lào đã từ lâu, công tác xác minh, đối chiếu làm rõ hợp pháp hay không gặp nhiều khó khăn, nên chưa thể kết luận được. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ sau.

Đối với 03 bộ hồ sơ gỗ do các doanh nghiệp khác thuê kho để gửi gỗ và chế biến gỗ gồm: Hồ sơ Công ty TNHH MTV Thiện Chí (địa chỉ: Khu II- Khu kinh tế Cửa khẩu Quốc tế B, huyện H, tỉnh Kon Tum) thuê kho của Công ty Đ theo hợp đồng ngày 25/3/2016, đến ngày 05/4/2016 Công ty Thiện Chí đã vận chuyển 156,515m³ gỗ Gỗ tròn nhóm I, có nguồn gốc nhập khẩu từ Lào đến kho của Công ty Đ; Hồ sơ công ty TNHH H (địa chỉ: Thôn 1, xã Đăk La, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum) thuê kho của công ty Đ theo hợp đồng ngày 10/3/2016, đến

ngày 15/3/2016 Công ty TNHH H vận chuyển 439,338m³ gỗ tròn từ nhóm I đến nhóm V (có nguồn gốc mua từ Xí nghiệp kinh doanh tổng hợp Đức Thiện, địa chỉ 24 Hoàng Diệu, p.Thống Nhất, Kon Tum; mua của Công ty TNHH An Phước, địa chỉ: Khu Công nghiệp Hòa Bình, Quốc lộ 14, TP. Kon Tum và mua của Công ty TNHH MTV Toàn Ngọc Kon Tum, địa chỉ: lô 365 khu quy hoạch sân bay, tổ 3, phường Thắng Lợi, TP. Kon Tum) đến kho của Công ty Đ; Hồ sơ Doanh nghiệp tư nhân B (địa chỉ: Số 172 Diên Hồng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định) thuê kho của Công ty Đ theo hợp đồng ngày 25/4/2016, đến ngày 01/5/2016 Doanh nghiệp tư nhân B vận chuyển 131,452m³ gỗ tròn các loại (có nguồn gốc mua từ Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Hồng Anh, địa chỉ: Số 85 Trường Chinh, phường Lê Lợi, TP.Vinh, tỉnh Nghệ An và mua của Công ty TNHH gỗ Duy Dương, địa chỉ: 25/16A, đường số 11, Khu phố 9, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) đến kho của Công ty Đ. Theo xác định của Chi Cục Kiểm lâm tỉnh Kon Tum (Văn bản số 60/CCKL-TTPC ngày 12/4/2017, số 78/CCKL-TTPC ngày 11/5/2017 và số 150/CCKL-TTPC ngày 9/10/2017) thì các bộ hồ sơ trên chỉ mới phản ánh được khối lượng gỗ tồn của các Doanh nghiệp thuê kho, chưa đủ cơ sở vững chắc để chứng minh số lượng gỗ này không có hồ sơ nguồn gốc hợp pháp theo kết luận của Đoàn kiểm tra.

Đối chiếu trên lý lịch của 485,085m³ gỗ không có hồ sơ nguồn gốc hợp pháp theo kết luận của Đoàn kiểm tra với lý gỗ của 10 bộ hồ sơ gỗ do Công ty Đ cung cấp để giải trình với Cơ quan điều tra, thì xác định: Có 49,152m³ gỗ các loại (quy tròn là 57,58m³) không nằm trong lý lịch gỗ của các bộ hồ sơ do công ty Đ cung cấp, gồm: 1,537m³ gỗ hộp chủng loại Gỗ đỏ (nhóm IIA); 4,232m³ gỗ hộp chủng loại Mò cua (nhóm VII); 8,279m³ gỗ hộp chủng loại Cà chít (nhóm III); 5,17m³ gỗ tròn chủng loại Trâm nước (nhóm V); 4,016m³ gỗ tròn chủng loại Huỳnh (nhóm III); 25,918m³ gỗ tròn chủng loại Gụ lau (nhóm IIA).

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn H (Giám đốc Công ty Đ) thừa nhận mặc dù Công ty có kế toán, thủ kho, nhưng chỉ do một mình Hùng thu mua nhỏ lẻ gỗ trái phép trong thời gian dài, với khối lượng gỗ 49,152m³ gỗ các loại (quy tròn là 57,58m³), đồng thời khẳng định trách nhiệm sai phạm trên chỉ thuộc về Giám đốc Công ty Đ - Nguyễn Văn H.

Tại bản cáo trạng số: 05/CT-VKS-P2 ngày 27/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo Nguyễn Văn H ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum để xét xử về tội “*Vi phạm các quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo quy định tại điểm k khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố số 05/CT-VKS-P2 ngày 27/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm k khoản 2 Điều 232; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 - Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “*Vi phạm các quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”, xử phạt bị cáo với mức án từ 02 năm đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu số gỗ vi phạm là 49,152m³ gỗ các loại (quy tròn là 57,58m³) để bán nộp ngân sách nhà nước.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Kon Tum, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn H là giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ đã lợi dụng Công ty có ngành nghề kinh doanh khai thác, sản xuất gỗ các loại và có các kho chứa gỗ, trong đó có 03 kho ở Cụm làng nghề Plei Kần, thôn Đăk Tăng, xã Đăk Xú, huyện Ngọc Hồi và 01 kho (gọi tắt là kho 4) ở số 1162 Hùng Vương, xã Đăk Xú, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum; trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến năm 2016, bị cáo Nguyễn Văn H đã thu mua, tàng trữ trái phép 49,152m³ (quy tròn là 57,58m³) gỗ các loại, trong đó gồm 28,377m³ gỗ thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIA; 29,203m³ gỗ thông thường nhóm III, V, VII. Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Văn H đã phạm vào tội “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*” theo quy định tại khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 1999, tuy nhiên theo điểm b Điều 2 của Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 quy định áp dụng những điều, khoản của Bộ luật hình sự 2015 có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng cho cả những hành vi phạm tội xảy ra trước ngày 01/01/2018, do đó hành vi phạm tội của bị cáo

Nguyễn Văn H được quy định tại điểm k khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Như vậy, bị cáo Nguyễn Văn H đã có hành vi mua bán, cất giữ lâm sản với khối lượng $49,152\text{m}^3$ gỗ các loại (quy tròn là $57,58\text{m}^3$) - Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “*Vi phạm các quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” quy định tại điểm k khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thể hiện, bị cáo là người biết rõ các quy định nhà nước về mua bán, cất giữ lâm sản, nhưng lại không thực hiện đúng quy định mà lợi dụng việc kinh doanh của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ để mua, cất giữ khối lượng gỗ $49,152\text{m}^3$ không có hồ sơ nguồn gốc hợp pháp cho mình, trong đó gồm có: $1,537\text{m}^3$ gỗ hộp chủng loại Gỗ đỏ (nhóm IIA); $4,232\text{m}^3$ gỗ hộp chủng loại Mò cua (nhóm VII); $8,279\text{m}^3$ gỗ hộp chủng loại Cà chít (nhóm III); $5,17\text{m}^3$ gỗ tròn chủng loại Trâm nước (nhóm V); $4,016\text{m}^3$ gỗ tròn chủng loại Huỳnh (nhóm III); $25,918\text{m}^3$ gỗ tròn chủng loại Gụ lau (nhóm IIA). Hành vi đó đã xâm phạm quy định của nhà nước về quản lý và bảo vệ rừng; tuy bị cáo không trực tiếp khai thác cây rừng nhưng với hành vi mua gom để tàng trữ trái phép đã gián tiếp giúp cho các đối tượng khác vi phạm các quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản; hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội tại địa bàn. Do vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung nhất là trong thực trạng hiện nay, nạn phá rừng và mua bán, cất giữ, vận chuyển lâm sản đang ngày càng diễn biến phức tạp.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, thấy rằng: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; mặt khác trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ, bị cáo có nhiều thành tích trong phong trào đóng góp quỹ đền ơn đáp nghĩa giai đoạn 2010 đến 2015 và được Ủy ban nhân dân xã Đăk Xú, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum tặng Công ty giấy khen – đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015; trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo được hưởng khi lượng hình.

[5]. Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, cần thiết phải áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính mà không áp dụng hình phạt tù hay cải tạo không giam giữ; mức phạt căn cứ theo tính chất mức độ nghiêm trọng của tội phạm, sự biến động của giá cả và xét đến tình hình tài sản của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

[6]. Về tang vật vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ: $49,152\text{m}^3$ gỗ các loại (quy tròn là $57,58\text{m}^3$), gồm: [$1,537\text{m}^3$ gỗ hộp chủng

loại Gỗ đỏ (nhóm IIA); 4,232m³ gỗ hộp chủng loại Mò cua (nhóm VII); 8,279m³ gỗ hộp chủng loại Cà chít (nhóm III); 5,17m³ gỗ tròn chủng loại Trâm nước (nhóm V); 4,016m³ gỗ tròn chủng loại Huỳnh (nhóm III); 25,918m³ gỗ tròn chủng loại Gụ lau (nhóm IIA)]. Xét thấy, đây là tang vật vi phạm trong vụ án, do đó cần tịch thu bán nộp ngân sách nhà nước.

[7]. Ngoài ra, trong vụ án này khối lượng gỗ còn lại 435,933 m³/485,085 m³ gỗ các loại, so sánh khối lượng gỗ của 06 bộ hồ sơ mà Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ cung cấp giải trình là 800,635 m³ (755,913m³ gỗ tròn; 44,722m³ gỗ xẻ hộp), do 06 bộ hồ sơ này đều có nguồn gốc nhập khẩu từ nước CHDCND Lào nên công tác xác minh gặp khó khăn, chưa có cơ sở chứng minh số gỗ này hợp pháp hay không - Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Kon Tum đang tiếp tục xác minh, điều tra, xử lý sau.

[8]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm k khoản 2 Điều 232, Điều 35; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 quy định áp dụng những điều, khoản của Bộ luật hình sự 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “*Vi phạm các quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

Tịch thu 49,152m³ gỗ các loại (quy tròn là 57,58m³) để bán nộp ngân sách nhà nước gồm: [1,537m³ gỗ hộp chủng loại Gỗ đỏ (nhóm IIA); 4,232m³ gỗ hộp chủng loại Mò cua (nhóm VII); 8,279m³ gỗ hộp chủng loại Cà chít (nhóm III); 5,17m³ gỗ tròn chủng loại Trâm nước (nhóm V); 4,016m³ gỗ tròn chủng loại Huỳnh (nhóm III); 25,918m³ gỗ tròn chủng loại Gụ lau (nhóm IIA)].

(Chi tiết vật chứng vụ án được thể hiện theo biên bản làm việc ngày 15 tháng 3 năm 2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kon Tum với Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Điều 21; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/7/2018) bị cáo có quyền kháng cáo bản án này để xin xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Văn phòng TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- CQCS điều tra CA tỉnh Kon Tum;
- Cục THADS tỉnh Kon Tum;
- UBND thị trấn PleiKan (nơi cư trú bị cáo);
- Bị cáo Hùng;
- Dương sự;
- VKSND cấp cao Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Tăng

